

	<p>huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025 và chưa gắn với các tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025. Tiêu chí phân định các xã khác nhau hiện tại đang áp dụng tại chung cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện đối với các chương trình mục tiêu quốc gia (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia), chưa đảm bảo tính bao quát đối với toàn thể chính sách dân tộc... tại mục I.3 của dự thảo Tờ trình.</p>	<p>quy định tại Điều 4a, đảm bảo các tiêu chí thống nhất, đồng bộ với tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới...</p>
<p>Bộ Công thương</p>	<p>Đề nghị chuyển nội dung “Nghị định số 05/2011/NĐ-CP được ban hành từ năm 2011 (trước thời điểm ban hành các văn bản này). Do đó cần sửa đổi, bổ sung Nghị định số 05/2011/NĐ-CP để đảm bảo thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng nêu trên” tại khoản 1, Mục 1 Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về chính sách dân tộc và miền núi (Trang 1,2 Tờ trình) sang trang 3, Mục 1 Khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thi hành Nghị định số 05/2011/NĐ-CP và hệ thống chính sách dân tộc (trang 4-11 Dự thảo Tờ trình).</p>	<p>UBDT xin được giữ nguyên như dự thảo, vì đây là nội dung Tiểu kết của tiểu mục 1, mục I nhằm khẳng định sự cần thiết ban hành dự thảo Nghị định để tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân tộc, chính sách dân tộc (quan điểm, chủ trương được ban hành sau năm 2011)</p>

2. Về mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định			
3. Nội dung khác của dự thảo Tờ trình	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Đề nghị cần bổ sung nội dung chi tiết tại Mục V Những vấn đề cần xin ý kiến (trang 18 Dự thảo Tờ trình).	UBDT đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo
	Bộ Nội vụ	Đề nghị bổ sung đánh giá kết quả cụ thể và những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ như: Việc ban hành Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBDT ngày 11/9/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới, vì đây là chính sách, chương trình, đề án liên quan trực tiếp đến đội ngũ cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số.	UBDT xin được giữ nguyên như dự thảo, vì nội dung này đã được đánh giá cụ thể, đầy đủ tại Báo cáo 1640/BC-UBDT ngày 30/9/2022 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP và tiểu mục 3, mục I của dự thảo Tờ trình (nội dung đánh giá chính sách cán bộ tại trang 7 – 8) ... để đảm bảo nội dung của dự thảo Tờ trình ngắn gọn, trọng tâm.

	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị nghiên cứu, rà soát, đánh giá bổ sung theo quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật về nội dung dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm: chưa được đánh giá tại dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ kèm theo công văn số 965/UBND-PC ngày 11/6/2024 nêu trên (đây là các chính sách trên thực tế đang được tích hợp và sử dụng nguồn lực của Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030 để triển khai, thực hiện).	UBND đã tiếp thu và hoàn thiện nội dung này trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.
II. VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH			
Về tên dự thảo Nghị định			
<i>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;</i> <i>Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030;</i> <i>Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;</i>	Ban Dân tộc tỉnh Ninh Thuận, Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước, Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng, Ban Dân tộc tỉnh An Giang	Đề nghị điều chỉnh, trình bày sau mỗi căn cứ phải xuống dòng cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.	UBND đã tiếp thu và hoàn thiện dự thảo

<p>Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.</p>			
<p>Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc</p>			
<p>1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau: “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về công tác dân tộc, chính sách dân tộc và quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”</p>	<p>Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái</p>	<p>Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa thành “<i>Nghị định này quy định về quản lý, thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i>”</p>	<p>UBND xin giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo phạm vi điều chỉnh bao hàm đầy đủ các nội dung của dự thảo Nghị định (bao gồm cả công tác dân tộc, chính sách dân tộc và quản lý nhà nước về công tác dân tộc) trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong cộng đồng các dân tộc thiểu số.</p>
<p>2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau: “Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với cơ</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định tổ chức, cá nhân trong nước tham gia quản lý nhà nước về công tác dân tộc do công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc thuộc chức năng của cơ quan nhà nước theo quy định.</p>	<p>Về ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Nghệ An, Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông, Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái: UBND xin giữ nguyên như dự thảo, vì các lý do sau:</p>

<p>quan nhà nước khi thực hiện công tác dân tộc, <i>chính sách dân tộc và quản lý nhà nước về công tác dân tộc</i>; tổ chức, cá nhân trong nước khi tham gia thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, <i>quản lý nhà nước về công tác dân tộc</i>; tổ chức, cá nhân nước ngoài khi tham gia thực hiện chính sách dân tộc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.”</p>	<p>UBND tỉnh Nghệ An</p>	<p>Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 2 Đối tượng áp dụng: “<i>Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước khi thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; tổ chức, cá nhân trong nước khi tham gia thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về công tác dân tộc; tổ chức, cá nhân nước ngoài khi tham gia thực hiện chính sách dân tộc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i>”.</p>	<p>- Thứ nhất, quy định đối tượng “Cơ quan nhà nước” thực hiện đầy đủ công tác dân tộc, chính sách dân tộc và quản lý nhà nước về công tác dân tộc để làm rõ trách nhiệm của các cơ quan này trong thực hiện nhiệm vụ nêu trên.</p> <p>- Thứ hai, quy định đối tượng “Tổ chức, cá nhân trong nước khi tham gia thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về công tác dân tộc” để cụ thể hóa “Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước” của công dân theo quy định tại Điều 28 Hiến pháp năm 2013.</p> <p>- Thứ ba, quy định đối tượng “Tổ chức, cá nhân nước ngoài khi tham gia thực hiện chính sách dân tộc”, vì chưa có căn cứ để quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia thực hiện công tác dân tộc, quản lý nhà nước về công tác dân tộc.</p>
<p>3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau: “Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của công tác dân tộc</p>	<p>Ban Dân tộc tỉnh Đắk Nông</p>	<p>Đề nghị sửa ngắn gọn lại: “<i>Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc; tổ chức, cá nhân trong nước khi tham gia thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về công tác dân tộc; tổ chức, cá nhân nước ngoài khi tham gia thực hiện chính sách dân tộc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i>”.</p>	<p>Về ý kiến của Bộ Y tế, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa</p>
	<p>Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái</p>	<p>Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa thành “<i>Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia quản lý, thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</i>”.</p>	
	<p>Bộ Y tế</p>	<p>Đề nghị xem xét, điều chỉnh lại khoản 5, Điều 3: “<i>Bảo đảm nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, quan trọng và quyết định trong thực hiện chính sách dân tộc; phát huy ý chí tự lực, tự cường, nội lực của mỗi dân tộc</i>”.</p>	

<p>1. Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.</p> <p>2. Bảo đảm sự phát triển toàn diện, phát triển bền vững; phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng đồng bào dân tộc thiểu số.</p> <p>3. Bảo đảm quyền dùng tiếng nói, chữ viết; giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc.</p> <p>4. Bảo đảm giải quyết vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách của công tác dân tộc.</p> <p>5. Bảo đảm nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, quan trọng và quyết định trong thực hiện chính sách dân tộc; phát huy ý chí tự lực, tự cường, nội lực của mỗi dân tộc thiểu số.”</p>	<p>UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa</p>	<p>Đề nghị điều chỉnh Điều 3 như sau:</p> <p>“Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của công tác dân tộc</p> <p><i>Công tác dân tộc phải bảo đảm các nguyên tắc cơ bản sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. 2. Sự phát triển toàn diện, phát triển bền vững; phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng đồng bào dân tộc thiểu số. 3. Quyền dùng tiếng nói, chữ viết; quyền được xác định thành phần dân tộc; giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc. 4. Giải quyết vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách của công tác dân tộc. 5. Nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, quan trọng và quyết định trong thực hiện chính sách dân tộc; phát huy ý chí tự lực, tự cường, nội lực của mỗi dân tộc thiểu số.” 	<p>Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh: UBĐT đã tiếp thu và chỉnh lý Điều 3 như sau:</p> <p>“Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của công tác dân tộc</p> <p><i>Công tác dân tộc phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. 2. Phát triển toàn diện, bền vững; phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng đồng bào dân tộc thiểu số. 3. Giải quyết vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách của công tác dân tộc. 4. Quyền dùng tiếng nói, chữ viết; giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc. 5. Nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, quan trọng và quyết định trong thực hiện chính sách dân tộc; phát huy ý chí tự lực, tự cường, nội lực của mỗi dân tộc.”
	<p>Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh</p>	<p>Đề nghị bỏ từ “Phát triển” trước từ “Bền vững” tại khoản 2 Điều 3.</p>	

	UBND tỉnh Nghệ An	Đề nghị giữ nguyên nội dung Điều 3 của Nghị định số 05.	UBNDT sửa đổi, bổ sung như trên để đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của công tác dân tộc thể chế hóa đầy đủ, toàn diện đường lối, chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp về lĩnh vực công tác dân tộc và thực tiễn thực hiện chính sách dân tộc
4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau: “1. “Công tác dân tộc” là hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bảo đảm các dân tộc thiểu số phát triển toàn diện, phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước”.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Đề nghị chỉnh khoản 1 Điều 4 như sau: “1. “ <i>Công tác dân tộc</i> ” là hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bảo đảm các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, phát triển toàn diện cùng với đất nước”.	UBNDT đã tiếp thu và hoàn thiện dự thảo như sau: “1. “ <i>Công tác dân tộc</i> ” là hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bảo đảm các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, phát triển toàn diện cùng với đất nước”.
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nên cân nhắc bỏ cụm từ “ thiểu số ” trong “... bảo đảm các dân tộc thiểu số phát triển toàn diện, phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước” để nội dung của điểm này thống nhất với quy định về đối tượng và phạm vi điều chỉnh được quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 1 của dự thảo Nghị định.	UBNDT xin giữ nguyên như dự thảo cho phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 5 Hiến pháp năm 2013.
	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi	Đề nghị bổ sung từ ngữ “Quản lý nhà nước về công tác dân tộc” với nội dung như sau: “ <i>Quản lý nhà nước về công tác dân tộc</i> là hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bảo đảm phát triển bền vững và phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào dân tộc thiểu số để phát triển kinh tế, cải thiện và nâng cao cuộc sống, đóng góp vào sự nghiệp	UBNDT xin giữ nguyên như dự thảo, vì nội dung quản lý nhà nước về công tác dân tộc đã được quy định cụ thể tại Điều 21 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP.

		<i>phát triển đất nước”⁴, vì theo quan điểm cơ bản của Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác dân tộc thì: “Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành, của toàn bộ hệ thống chính trị”.</i>	
b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: “4. “ <i>Vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i> ” là địa bàn tỉnh, huyện, xã, thôn có tỷ lệ người dân tộc thiểu số sinh sống ổn định chiếm từ 15% trở lên trong tổng số dân của địa bàn.”	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Đề nghị làm rõ cơ sở, tiêu chí “ <i>vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i> ” là địa bàn tỉnh, huyện, xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số sinh sống ổn định chiếm từ 15% trở lên trong tổng số dân của địa bàn... tại khoản 4 Điều 4.	Về ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND tỉnh Điện Biên, Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng, Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên, Ban Dân tộc Lào Cai: UBND đã tiếp thu và hoàn thiện dự thảo theo hướng không quy định cụ thể tỷ lệ phần trăm (%) mà giao Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể cho phù hợp với nhiệm vụ chính trị của công tác dân tộc trong từng thời kỳ, cụ thể như sau: “4. “ <i>Vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i> ” là địa bàn cấp tỉnh, huyện, xã, thôn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ổn định theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.”
	Bộ Y tế	Đề nghị xem xét, điều chỉnh lại khoản 4, Điều 4 theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ: “ <i>Vùng đồng bào dân tộc thiểu số là địa bàn tỉnh, huyện, xã, thôn có tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 15% trở lên</i> ”.	
	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị rà soát lại các quy định về giải thích từ ngữ, khái niệm như “vùng dân tộc thiểu số”, “Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”, “Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn” như tại khoản 4 Điều 1 của dự thảo Nghị định để tránh chồng chéo (như nội dung “ <i>Vùng đồng bào dân</i>	

⁴ Tại điểm 4.2 của Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW

	<p><i>tộc thiểu số” là địa bàn tỉnh, huyện, xã, thôn có tỷ lệ người dân tộc thiểu số sinh sống ổn định chiếm từ 15% trở lên trong tổng số dân của địa bàn”</i> hiện đã được quy định tại các Quyết định Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025); bổ sung làm rõ căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học đối với các quy định như tại Dự thảo.</p>	
Bộ Tài chính	<p>Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý đề xuất quy định “<i>Vùng đồng bào dân tộc thiểu số là địa bàn tỉnh, huyện, xã, thôn có tỷ lệ người dân tộc thiểu số sinh sống ổn định chiếm từ 15% trở lên trong tổng số dân của địa bàn</i>”, vì Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 10/3/2020 của Chính phủ và Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 quy định căn cứ xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số là <i>tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số</i>, không xác định trên tỷ lệ người dân tộc thiểu số.</p> <p>Tại các Nghị quyết của Quốc hội (số 88/2019/QH14 và số 120/2020/QH14) và Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sử dụng thuật ngữ “<i>vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>”, “<i>vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đặc thù</i>”. Tại dự thảo Nghị định sử dụng</p>	

	<p>thuật ngữ “<i>vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i>”, “<i>vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn</i>”.</p> <p>Do đó, đề nghị nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các thuật ngữ của dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất với các chính sách hiện nay đang áp dụng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện.</p>	
UBND tỉnh Điện Biên	Đề nghị sửa lại khoản 4 Điều 4 cho đầy đủ ý nghĩa của câu như sau: “ <i>4. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i> ” là địa bàn tỉnh, huyện, xã, thôn có tỷ lệ người dân tộc thiểu số sinh sống ổn định chiếm từ 15% trở lên trong tổng số người dân của địa bàn.	
Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng	Đề nghị sửa khoản 4 Điều 4 như sau: “ <i>Vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i> ” là địa bàn tỉnh, thành phố; quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn; thôn, bản, khóm, ấp (gọi chung là cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và thôn) có tỷ lệ người dân tộc thiểu số sinh sống ổn định chiếm từ 15% trở lên trong tổng số dân của địa bàn ” để tránh trường hợp văn bản được ban hành và có hiệu lực pháp luật chỉ áp dụng cho địa bàn “Tỉnh, huyện, xã, thôn”.	
Bộ Nội vụ	Đề nghị nghiên cứu nên dùng chung một thuật ngữ cho đồng bộ, thống nhất, vì trong dự thảo Nghị định đang dùng một số thuật ngữ khác nhau như: “ <i>Vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i> ”; “ <i>Vùng có đồng bào dân tộc thiểu số</i> ”; “ <i>Vùng dân tộc thiểu số</i> ”	- Về ý kiến nên dùng chung một thuật ngữ cho đồng bộ, thống nhất của Bộ Nội vụ, Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên, Ban Dân tộc Lào Cai: UBNDT đã sử dụng từ ngữ “ <i>Vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i> ” để thay thế các

		<p>(khái niệm hiện đang quy định tại Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức).</p> <p>Về giải thích từ ngữ “Vùng đồng bào dân tộc thiểu số” tại khoản 4 Điều 4: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, đánh giá việc quy định chung một tỷ lệ từ “15%” là người dân tộc thiểu số trong tổng số dân của địa bàn cho cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và ở thôn, để bảo đảm phù hợp với thực tiễn nên điều chỉnh theo hướng tăng dần từ tỉnh xuống đến thôn (ví dụ: cấp tỉnh từ 10%, cấp huyện từ 12%, xã và thôn từ 15%); cân nhắc việc mở rộng đối tượng xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số đối với cấp tỉnh, cấp huyện do khi xác định phạm vi “Vùng đồng bào DTTS” là địa bàn tỉnh, huyện, xã, thôn và phân định tất cả các địa bàn này để tổ chức thực hiện chính sách dân tộc (mở rộng so với quy định hiện nay chỉ gồm xã, thôn) sẽ tác động lớn đến việc thực hiện các chế độ, chính sách hiện có và tăng kinh phí thực hiện chính sách; đồng thời phai đánh giá tác động thật kỹ, dự kiến số lượng đơn vị hành chính thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và kinh phí tăng thêm để thực hiện chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Dự thảo nêu trên.</p>	<p>từ ngữ “Vùng có đồng bào dân tộc thiểu số”, “Vùng dân tộc thiểu số” trong Nghị định để đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định tại khoản 3 Điều 61, khoản 2 Điều 75 Hiến pháp năm 2013 (sử dụng thuật ngữ “Vùng đồng bào DTTS”).</p> <p>- Về ý kiến cân nhắc việc mở rộng đối tượng xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số đối với cấp tỉnh, cấp huyện của Bộ Nội vụ: UBND xin giữ nguyên như dự thảo để thể chế hóa nội dung “<i>Xây dựng tiêu chí phân định lại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng xác định rõ vùng dân tộc thiểu số (tỉnh, huyện, xã, thôn, bản), địa bàn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm</i>” tại Kết luận 65-KL/TW.</p>
	<p>Ban Dân tộc tỉnh Phú Yên, Ban Dân tộc Lào Cai</p>	<p>Đề nghị xem xét thống nhất sử dụng cụm từ “<i>Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>” thay thế cho cụm từ “<i>Vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i>” đang được sử dụng trong dự thảo; Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng đề nghị bổ sung từ ngữ “<i>Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>” ... để có sự thống nhất với Nghị định số 88/2019/QH14 của Quốc Hội về</p>	

		phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và nhiều văn bản khác đang thực hiện.	
Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP: 5. “ <i>Dân tộc thiểu số rất ít người</i> ” là dân tộc có số dân dưới 10.000 người.	Ban Dân tộc tỉnh Hà Giang	Đề nghị sửa đổi, bổ sung <i>khoản 5, Điều 4</i> của Nghị định 05/2011/NĐ-CP như sau: 5. “ <i>Dân tộc thiểu số rất ít người</i> ” là dân tộc có dân số dưới 20.000 người. Theo Nghị định số 05/2011/NĐ-CP: “ <i>Dân tộc thiểu số rất ít người</i> ” là dân tộc có số dân dưới 10.000 người. Nhưng hiện nay, một số dân tộc có dân số trên 10.000 người vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, trình độ dân trí và các chỉ số vẫn còn thấp, thường cư trú ở các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn. Vì vậy, các dân tộc thiểu số có số dân trên 10.000 người dưới 20.000 người cần được quy định là dân tộc thiểu số rất ít người. Nhằm thiết thực hỗ trợ, từng bước phát triển các dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo sự phát triển đồng đều và bình đẳng giữa các dân tộc giúp cho các dân tộc thiểu số ít người được hưởng các chính sách chung đối với đối với các DTTS, ngoài ra còn được hưởng các chính sách riêng đặc thù với DTTS rất ít người.	UBND xin giữ nguyên như khoản 5 Điều 4 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, vì qua nghiên cứu, rà soát, chưa đủ căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn chưa để sửa đổi, bổ sung nội dung này. UBND sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung nội dung trên vào thời điểm phù hợp.
	Ban Dân tộc tỉnh Lai Châu	Đề nghị giữ lại từ ngữ tại khoản 7, 8 theo dự thảo Nghị định ngày 17/7/2023, như sau: “7. “ <i>Dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn</i> ” là dân tộc thiểu số đáp ứng 01 trong các tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết tiếng phổ thông, tỷ suất chết của trẻ em dưới	UBND xin giữ nguyên như dự thảo, vì hiện nay đã có Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-

		<p>1 tuổi theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>8. “Dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù” là dân tộc thiểu số rất ít người thuộc trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.”. Vì hiện nay Nghị định của Chính phủ là văn bản quy phạm pháp luật có tính pháp lý cao nhất quy định về công tác dân tộc; Vì vậy khái niệm và nội hàm của “Dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn” và “Dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù” cần phải được quy định rõ trong Nghị định để đảm bảo tính nhất quán thực thi cho các đối tượng thụ hưởng trong các chính sách dân tộc.</p>	<p>2025 và Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 – 2025. Các văn bản này đã xác định rõ về thuật ngữ “Dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn” và “Dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù”.</p>
<p>c) Bổ sung khoản 7, khoản 8, khoản 9 vào sau khoản 6 như sau:</p> <p>“7. “Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn” là xã, thôn đặc biệt khó khăn theo phân định tại Điều 4a Nghị định này.</p> <p>8. “Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn” là xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và nằm ngoài các xã, thôn quy định tại khoản 7 Điều này.</p>	<p>Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh</p>	<p>Đề nghị nghiên cứu sửa khoản thành: “7. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là xã, thôn đặc biệt khó khăn theo phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo trình độ phát triển được quy định tại Điều 4a Nghị định này”.</p>	<p>Về ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh: UBNDT đã nghiên cứu tiếp thu, đưa nội dung này ra khỏi dự thảo nghị định, bởi vì:</p> <p>Hiện nay, Điều 58, Điều 61 Hiến pháp, Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các văn bản pháp luật đều sử dụng từ ngữ “vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP thì vùng có điều kiện</p>
	<p>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</p>	<p>Đề nghị quy định “vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn” và “vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn” theo hướng gắn với các yếu tố về kinh tế - xã hội, trong đó có yếu tố về tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo.</p>	
	<p>Bộ Tài chính</p>	<p>Đề nghị làm rõ điểm c: Dự thảo Nghị định quy định “Vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn là xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và nằm ngoài các xã, thôn quy định tại khoản 7 Điều này”. Tuy nhiên, Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ 1 chỉ quy định xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới,</p>	

		<p>đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, chưa có quy định “thôn nông thôn mới”. Vì vậy, đề nghị UBND rà soát lại cho phù hợp, đồng thời rà soát, làm rõ phạm vi vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn (Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ).</p>	<p>kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huyện đảo Trường Sa, Hoàng Sa, DK1; - Các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; - Các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp... (gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. <p>Như vậy, nếu quy định như dự thảo sẽ không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ về nội hàm “Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn” trong Nghị định 05 với hệ thống pháp luật hiện hành.</p>
<p>9. “<u>Chính sách dân tộc</u>” là <u>định hướng, giải pháp</u> của Nhà nước để thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, giải quyết vấn đề của thực tiễn ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong cộng đồng các dân tộc thiểu số nhằm đạt được <u>mục tiêu nhất định</u>.”</p>			
<p>5. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4 như sau:</p> <p>“Điều 4a. Phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo trình</p>	<p>UBND tỉnh Nghệ An</p>	<p>Đề nghị bổ sung vào khoản 1 Điều 4a nội dung như sau: “<i>Các địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số được phân định theo trình độ phát triển; bãi bỏ các Quyết định từ trước đến nay quy định</i></p>	<p>UBNDT sẽ nghiên cứu, tiếp thu khi tham mưu xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo trình độ phát triển (Văn bản này sẽ xem xét việc bãi bỏ các</p>

<p>độ phát triển</p> <p>1. Các địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số được phân định theo trình độ phát triển.</p> <p>2. Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết quy định tại khoản 1 Điều này.”</p>		<p>về tỉnh, huyện, xã miền núi, miền núi cao hoặc rẻo cao”.</p>	<p>quyết định có liên quan theo quy định của pháp luật).</p>
<p>6. Bổ sung nội dung vào Điều 5 như sau:</p> <p>“Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Điều này”.</p>	<p>Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên cụm từ “<i>Mỗi dân tộc có tên gọi riêng công bố theo quy định của pháp luật</i>” và chuyển thành khoản 1, nhất trí bổ sung cụm từ “<i>Ủy ban Dân tộc chủ trì các nội dung quy định tại điều này</i>”, đồng thời chuyển thành khoản 2.</p>	<p>Điều 5 Nghị định 05/2011/NĐ-CP đã có nội dung “<i>Mỗi dân tộc có tên gọi riêng công bố theo quy định của pháp luật</i>”. Dự thảo Nghị định chỉ bổ sung thêm nội dung “<i>Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương ... quy định tại Điều này</i>” để rõ trách nhiệm của UBNDT và các bộ, ngành, địa phương trong việc quy định chi tiết thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật ban hành văn bản QPPL⁵.</p>
	<p>Ban Dân tộc tỉnh Trà Vinh</p>	<p>Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi Điều 5 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP. Điều 5 quy định “<i>Mỗi dân tộc có tên gọi riêng, xác định theo tiêu chí được pháp luật công nhận, phù hợp với nguyện vọng của đồng bào. Thành phần dân tộc do cơ quan có thẩm quyền quyết định và công bố theo quy định của pháp luật</i>”. Nội dung này liên quan đến vấn đề đã và đang đặt ra, đó là một bộ phận đồng bào Khmer tỉnh Trà Vinh nói riêng, khu vực Nam bộ nói</p>	<p>UBNDT sẽ nghiên cứu, tiếp thu quy định cụ thể vấn đề này khi tham mưu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, bảng danh mục các dân tộc thiểu số Việt Nam.</p>

⁵ Trong trường hợp văn bản có điều, khoản, điểm mà nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết thì ngay tại điều, khoản, điểm đó có thể giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định chi tiết.

		<p>chung phiên âm tên gọi của dân tộc mình là “Khmer”, được một số cơ quan Trung ương, nhiều cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, thông tấn báo chí ở tỉnh Trà Vinh và Khu vực Nam bộ viết theo nguyện vọng của đồng bào; tuy nhiên, một số cơ quan Trung ương có tầm quyết định, chi phối lớn vẫn phiên âm theo ngữ pháp tiếng Việt là “Kơ Me”, “Khome”, “Kơ-me”, điều này ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm của một bộ phận đồng bào Khmer; do đó, kiến nghị Ủy ban Dân tộc nghiên cứu, trình cơ quan có thẩm quyền công bố chính thức tộc danh “Khmer” để sử dụng thống nhất.</p>	
<p>7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:</p> <p><i>“1. Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam được tổ chức định kỳ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.</i></p>	<p>UBND tỉnh Hòa Bình, UBND tỉnh Nghệ An</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên Điều 6 của Nghị định số 05 về nội dung Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp... để đồng nhất quy định lượng thời gian trong cùng 1 điều, 1 khoản của Nghị định.</p>	<p>Về ý kiến của UBND tỉnh Hòa Bình, UBND tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh Điện Biên, Ban Dân tộc tỉnh Hà Giang, Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng, UBND tỉnh Lạng Sơn, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh: UBNDT đã nghiên cứu tiếp thu, đưa nội dung này ra khỏi dự thảo nghị định (chưa sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6), bởi vì:</p> <p><i>Thứ nhất</i>, hiện nay chưa tổng kết Chi thị số 35-CT/TW ngày 08/5/2009 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam nên chưa đủ căn cứ chính trị pháp lý để sửa đổi, bổ sung.</p> <p><i>Thứ hai</i>, năm 2024 các địa phương đang tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu</p>
	<p>UBND tỉnh Điện Biên, Ban Dân tộc tỉnh Hà Giang, Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng</p>	<p>Đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể về thời gian định kỳ tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số toàn quốc và Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, cấp huyện (<i>đều 5 năm/lần</i>).</p>	

	UBND tỉnh Lạng Sơn	<p>Đề nghị xem xét, quy định bảo đảm thống nhất quy định tại khoản 1 Điều 6 (<i>1. Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam được tổ chức định kỳ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>), vì quy định trên chưa kế thừa nội dung quy định hiện nay tại Nghị định số 05 về mốc thời gian cụ thể tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam; đồng thời chưa tương thích với nội dung khoản 2 Điều 12 (<i>2. Định kỳ 2 năm đối với cấp huyện và cấp tỉnh, 5 năm đối với cấp Trung ương tổ chức các hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh đối với các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>).</p>	<p>số cấp tỉnh, cấp huyện. Theo quy định hiện hành thì đến năm 2029 (hơn 5 năm nữa) sẽ đến kỳ Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ 3. Như vậy, nếu sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 thì cũng phải đến năm 2034 mới được áp dụng quy định này (còn 10 năm nữa)... nên chưa thật sự cần thiết sửa đổi quy định này trong bối cảnh chưa tổng kết, đánh giá thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 08/5/2009 của Ban Bí thư.</p>
	Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ninh	<p>Đề nghị nghiên cứu thống nhất việc quy định Đại hội cấp tỉnh, cấp huyện với Đại hội toàn quốc; nên quy định cụ thể là 5 năm hay 10 năm tổ chức 1 lần cho cả 03 cấp. Hiện nay, định mức chi cho đại biểu về tham dự Đại hội DTTS chưa có quy định cụ thể (chi ăn và chi quà tặng) dẫn đến cơ quan tham mưu tổ chức khó khăn trong công tác xây dựng dự toán Đại hội.</p>	
<p>8. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 7 như sau: “1a. Lợi dụng, kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi.”</p>	Ban Dân tộc tỉnh Trà Vinh	<p>Đề nghị nghiên cứu, sửa đổi khoản 1, Điều 7: “<i>Mọi hành vi, kỳ thị, phân biệt đối xử, chia rẽ, phá hoại đoàn kết các dân tộc</i>” là hành vi bị nghiêm cấm. Tuy nhiên, Nghị định chưa quy định rõ những hành vi nào được xem là “<i>kỳ thị, phân biệt đối xử</i>”; do đó kiến nghị Ủy Dân tộc nghiên cứu đưa vào dự thảo quy định cụ thể những hành vi nào được xem là “<i>kỳ thị, phân biệt đối xử</i>”.</p>	<p>UBDT xin giữ nguyên như dự thảo, vì đã có Điều 116 Bộ luật hình sự (Tội phá hoại chính sách đoàn kết) quy định các biện pháp hình sự để xử lý hành vi “Gây hằn thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam”.</p>

<p>9. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:</p> <p>“Điều 8. Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu</p> <p>1. Nhà nước tập trung nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trong đó, ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng về y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi, lưới điện, viễn thông, văn hóa, thông tin, truyền thông và các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh, dân sinh, phúc lợi công cộng khác thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số⁶.</p>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Đề nghị sửa đổi Điều này cho phù hợp với Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ: “Nhà nước tập trung nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trong đó, ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng về y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi, lưới điện, văn hoá, thông tin và truyền thông”.</p>	<p>Về ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Điện Biên, UBND tỉnh Gia Lai, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi, Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND tỉnh Nghệ An: UBND xin tiếp thu theo hướng giữ nguyên Điều này như Điều 8 của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, vì các lý do sau:</p> <p><i>Thứ nhất</i>, việc sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều này liên quan đến một số luật chuyên ngành như: Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Giáo dục, Luật Điện lực, Luật Viễn thông, Luật Thủy lợi Do đó, UBND sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền quy định cụ thể các nội dung cần thiết sửa tại Điều này vào các luật chuyên ngành cho phù hợp (khi sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành).</p> <p><i>Thứ hai</i>, Ủy ban Dân tộc xin phép tiếp thu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các chính sách này khi xây dựng Pháp lệnh hoặc Luật về lĩnh vực dân tộc theo đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương nêu trên.</p>
	<p>Bộ Tài chính</p>	<p>Đề nghị bổ sung nội dung “mạng lưới chợ” tại khoản 1 để thống nhất với nội dung tại nội dung số 02 của Dự án 1 Quyết định số 1719/QĐ-TT, cụ thể: “...văn hóa, thông tin, truyền thông, mạng lưới chợ và các công trình phục vụ sản xuất...”.</p>	
	<p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>Đề nghị bổ sung cụm từ “thể thao, du lịch” vào sau cụm từ “viễn thông, văn hóa” tại khoản 1 Điều này để thống nhất với các chính sách phát triển về thể dục, thể thao và du lịch tại Điều 14, Điều 15.</p>	
	<p>UBND tỉnh Điện Biên</p>	<p>Đề nghị sửa lại khoản 1 Điều 8 như sau để nội dung được đầy đủ: “Nhà nước tập trung nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trong đó, ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đạt chuẩn quốc gia phục vụ y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi, lưới điện, cấp nước sạch, viễn thông, văn hóa, thông tin, truyền thông và các</p>	

⁶ Khoản này được sắp xếp lại trên cơ sở khoản 1 Điều 8 và khoản 1, 2 Điều 9 của Nghị định số 05.

		<i>công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh, dân sinh, phúc lợi công cộng khác thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số”.</i>
UBND tỉnh Gia Lai		<i>Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung khoản 1 Điều này như sau: “Nhà nước tập trung nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trong đó, ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng về y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi, chợ, lưới điện, viễn thông, văn hóa, thông tin, truyền thông và các công trình phục vụ sản xuất, kinh doanh, dân sinh, phúc lợi công cộng khác thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số” cho phù hợp với Kết luận 65⁷.</i>
Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi		<i>Đề nghị sửa khoản 1 như sau: “1. Nhà nước tập trung nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trong đó, <u>theo điều kiện cụ thể của từng vùng, miền, địa phương ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng về y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi, lưới điện, viễn thông, văn hóa, thông tin, truyền thông</u> và các công trình phục vụ sản xuất,</i>

⁷ “Ưu tiên nguồn lực nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá phải được kiên cố hóa; bảo đảm các hộ gia đình dân tộc thiểu số được sử dụng điện lưới quốc gia, dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông, tiếp cận công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt. Ban hành tiêu chí nông thôn mới phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phân đầu đến năm 2030 không còn địa bàn khó khăn ”

		kinh doanh, dân sinh, phúc lợi công cộng khác thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số.”
	Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng	Đề nghị bổ sung cụm từ “ <i>phù hợp với bảo vệ môi trường và</i> ” trước cụm từ “ <i>thích ứng với biến đổi khí hậu</i> ” tại khoản 1 Điều 8.
2. Nhà nước huy động các nguồn lực xã hội và có chính sách ưu đãi, hỗ trợ để thu hút doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. ⁸ ”		
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Điều này.”	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị: Đối với trách nhiệm của các Bộ, ngành trong nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi (quy định tại Điều 8, Điều 9) về các chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu, đầu tư phát triển kinh tế và ổn định dân cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số...: Đề nghị quy định trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc là cơ quan chủ trì và phối hợp với các Bộ có liên quan tham mưu, thể chế hóa các chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đầu tư phát triển kinh tế và ổn định dân cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số được quy định tại Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội. Theo đó, đề nghị lược bỏ nội dung <i>Bộ Kế hoạch và Đầu</i>

⁸ Khoản này được sắp xếp lại trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 05. Tuy nhiên, chỉ quy định về ưu đãi, hỗ trợ để thu hút doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (chính sách tín dụng, hỗ trợ khác để lại ở Điều 9 dự thảo Nghị định).